



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Công Ty Cổ Phần
Đầu Tư Xây Dựng
Và Phát Triển
Trường Thành

Digitally signed by Công Ty Cổ Phần Đầu
Tư Xây Dựng Và Phát Triển Trường Thành
DN: CN=0102099812, CN=Công Ty Cổ Phần Đầu
Tư Xây Dựng Và Phát Triển Trường
Thành, SN=Việt Nam, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2020.10.20 08:55:10+07'00
Foxit Reader Version: 10.1.0

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Mục lục Báo cáo tài chính tổng hợp	1
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 09 năm 2020</i>	2-5
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp Giữa niên độ 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	6
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp Giữa niên độ 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	7-8
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp Giữa niên độ 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	9-42

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		279.932.004.089	99.155.532.052
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.055.058.740	7.309.911.204
1. Tiền	111		7.055.058.740	7.309.911.204
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		219.252.157.562	88.764.191.091
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	64.754.083.392	16.475.012.238
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	125.564.700.552	43.040.192.200
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	28.933.373.618	29.248.986.653
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		394.547.272	394.547.272
1. Hàng tồn kho	141	V.6	394.547.272	394.547.272
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		53.230.240.515	2.686.882.485
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	129.730.956	374.446.250
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		53.100.509.559	1.413.588.252
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	-	898.847.983
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.382.467.568.075	3.822.064.485.191
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.715.638.135.764	2.792.114.204.467
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	2.715.490.408.864	2.791.966.477.567
<i>Nguyên giá</i>	222		3.080.707.815.357	3.080.707.815.357
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(365.217.406.493)	(288.741.337.790)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	147.726.900	147.726.900
<i>Nguyên giá</i>	228		147.726.900	147.726.900
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.549.539.432.311	851.192.390.832
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1.549.539.432.311	851.192.390.832
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		117.290.000.000	178.757.889.892
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.11	115.500.000.000	176.967.889.892
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	1.790.000.000	1.790.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.662.399.572.164	3.921.220.017.243

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.029.083.204.678	2.374.144.531.386
I. Nợ ngắn hạn	310		373.210.956.092	435.444.565.298
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	61.682.070.946	55.819.247.064
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	18.477.672.757	5.824.802.832
4. Phải trả người lao động	314		1.467.849.277	884.938.077
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	27.182.447.166	39.596.074.280
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	17.707.461.230	99.154.830
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	246.693.454.716	333.220.348.215
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.655.872.248.586	1.938.699.966.088
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	349.019.359.914	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	122.307.948.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	2.184.544.940.672	1.938.699.966.088
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.633.316.367.486	1.547.075.485.857
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	1.633.316.367.486	1.547.075.485.857
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.350.000.000.000	1.350.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.350.000.000.000	1.350.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		283.316.367.486	197.075.485.857
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		197.075.485.857	121.670.764.192
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		86.240.881.629	75.404.721.665
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.662.399.572.164	3.921.220.017.243

Người lập biểu



Trần Khánh Huyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Dũng Hoàng

Lập, ngày 18 tháng 10 năm 2020

Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cước, Xã Nậm Bùng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BAO CAO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	145.646.463.123	74.553.182.570	315.254.306.699	181.252.602.096
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		145.646.463.123	74.553.182.570	315.254.306.699	181.252.602.096
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	27.278.216.454	19.429.503.628	82.309.053.734	53.590.965.919
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		118.368.246.669	55.123.678.942	232.945.252.965	127.661.636.177
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.690.978	3.814.718	12.761.073	49.739.607
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	49.452.950.967	18.168.223.103	113.302.748.819	55.639.880.678
Trong đó: chi phí lãi vay	23		49.452.950.967	18.168.223.103	113.302.748.819	55.639.880.678
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5.149.739.269	1.410.262.521	11.309.882.371	4.336.929.488
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		63.769.247.411	35.549.008.036	108.345.382.848	67.734.565.618
11. Thu nhập khác	31	VI.6	45.107.913	5.000	45.107.913	5.000
12. Chi phí khác	32	VI.7	555.853.897	50.809.886	1.098.696.397	205.169.310
13. Lợi nhuận khác	40		(510.745.984)	(50.804.886)	(1.053.588.484)	(205.164.310)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		63.258.501.427	35.498.203.150	107.291.794.364	67.529.401.308
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	1.604.865.545	-	3.448.251.663	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		61.653.635.882	35.498.203.150	103.843.542.701	67.529.401.308
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		382	548	639	698

Người lập biểu

Trần Khánh Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Dũng Hoàng



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cuôm, Xã Nậm Bùng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	107.291.794.364	67.529.396.308
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	76.476.068.703	48.408.627.843
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(12.761.073)	(49.739.607)
- Chi phí lãi vay	06	113.302.748.819	55.639.880.678
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	297.057.850.813	171.528.165.222
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(181.276.039.795)	167.166.009.656
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	245.213.455
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	473.107.176.410	514.991.675.446
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	244.715.294	(360.000.000)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(107.583.584.164)	(55.639.880.678)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.256.661.593)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	477.293.456.965	797.931.183.101
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(698.347.041.479)	(1.232.518.670.510)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(182.517.889.892)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	61.467.889.892	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.761.073	49.739.607
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(636.866.390.514)	(1.414.986.820.795)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cướm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		389.606.029.084	714.336.451.272
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(230.287.947.999)	(100.413.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>159.318.081.085</i>	<i>613.923.451.272</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>(254.852.464)</i>	<i>(3.132.186.422)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	7.309.911.204	15.524.828.361
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	7.055.058.740	12.392.641.939

Lập, ngày 18 tháng 10 năm 2020

Người lập biểu

Trần Khánh Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Dũng Hoàng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, xây dựng, lắp đặt và thương mại
- 3. Ngành nghề kinh doanh chính** :
 - Xây dựng, sản xuất, vận hành công trình điện năng;
 - Kinh doanh điện năng;
 - Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, bưu chính- viễn thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình năng lượng điện gió, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình đô thị và khu công nghiệp, trang trí nội thất;
 - Xây dựng lắp đặt các công trình, đường dây và trạm biến áp đến 110KV, trạm biến thế 35KV;
 - Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, phòng hát karaoke);
 - Sản xuất và mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành xây dựng;
 - Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, khai thác đá;
 - Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
 - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh./.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị

Địa chỉ

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Trường Thành tại Ninh Thuận

Lô 9, dãy N2, đường 16/4, phường Mỹ Hải, thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Mã số chi nhánh: 0102899812-003

- 5. Số lượng người lao động đến ngày 31 tháng 12 năm 2019:** 180 lao động
- 6. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- 7. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp:** Không có.
- 8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định trước khi Công ty đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (giai đoạn trước hoạt động), chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính với thời gian không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào Công ty liên kết khác được trích lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân quý và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	20 – 50
Máy móc và thiết bị	05 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 07
Tài sản cố định khác	20 – 25

b) Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí XD CBDD phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả lãi vay vốn hóa nếu có) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa TSCĐ đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

c) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ VH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thuộc tờ bản đồ số 105/2009/BĐĐC tại địa chỉ thôn Nậm Cườm, xã Nậm Búng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được cấp ngày 18 tháng 5 năm 2009.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cơm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16: "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng

16. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

18. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.234.841.897	472.100.831
Tiền gửi ngân hàng	4.820.216.843	6.837.810.373
Cộng	7.055.058.740	7.309.911.204

2. Đầu tư tài chính**b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Trái phiếu kỳ hạn 7 năm	590.000.000	590.000.000	590.000.000	590.000.000
Trái phiếu kỳ hạn 10 năm	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
Cộng	1.790.000.000	1.790.000.000	1.790.000.000	1.790.000.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty điện lực miền Bắc	25.930.931.758	-
Công ty Mua bán điện- Tập đoàn điện lực Việt Nam	38.823.151.634	16.475.012.238
Cộng	64.754.083.392	16.475.012.238

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>23.818.644.359</i>	<i>15.532.409.949</i>
Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành	18.796.374.962	15.020.764.700
Công ty TNHH đầu tư xây lắp Trường Thành	5.022.269.397	511.645.249
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>101.746.056.193</i>	<i>27.507.782.251</i>
Công ty CP giải pháp năng lượng Việt Nam EVS Holdings	19.405.248.189	-
Công ty TNHH cơ khí Tín Phát	3.888.795.840	8.266.995.600
Viện công nghệ năng lượng	-	6.100.000.000
Trung tâm quỹ đất Ninh Thuận - Dự án Hồ núi Một I	19.913.380.370	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cường Thịnh	10.000.000.000	-
Công ty TNHH MTư vấn thiết kế và chế tạo thiết bị điện	15.450.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn & Xây dựng hệ thống điện Bách Khoa	4.024.350.000	-
Công ty Cổ phần ngôi nhà hoàn hảo	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phúc Thành An	13.562.486.285	4.200.000.000
Các nhà cung cấp khác	10.501.795.509	8.940.786.651
Cộng	125.564.700.552	43.040.192.200

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**5. Phải thu khác ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	14.542.247.504	-	6.627.292.745	-
Thành viên Ban lãnh đạo_ phải thu tạm ứng		-	6.028.612.000	-
Ông Trần Huy Đức - Dự án Bầu Ngừ (1)		-	1.791.150.000	-
Ông Trần Huy Đức – Dự án Hồ Núi Một 1 (2)	12.609.528.401	-	4.237.462.000	-
Công ty TNHH xây dựng Trường Thành	1.932.719.103	-	598.680.745	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	14.391.126.114	-	22.621.693.908	-
Tạm ứng				
Ông Trương Văn Hải - Dự án Bầu Ngừ (1)		-	5.600.000.000	-
Ông Trương Văn Hải - Dự án Hồ Núi một 1 (2)	6.466.346.751	-	1.250.000.000	-
Nguyễn Hoàng Dung - Dự án Hồ Núi một 1 (2)	469.510.060			
Nguyễn Thanh Hoan - Dự án Hồ Núi một 1 (2)	4.682.493.916			
Đỗ Hải Nam - Dự án Hồ núi một 1 (2)	1.898.181.500			
Thuế GTGT đầu vào chưa Kê khai	533.913.290	-	8.093.408.030	-
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần Ông Nguyễn Hữu Quân		-	7.600.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	340.680.597	-	78.285.878	-
Cộng	28.933.373.618	-	29.248.986.653	-

(1) Là khoản tiền ứng đền bù giải phóng mặt bằng lần 3 cho phần đất trong Quy hoạch của Dự án Bầu Ngừ. Đến thời điểm hiện tại Công ty đang tiến hành các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho phần đền bù này.

(2) Theo Quyết định 1509/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2018 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành đã được Ủy ban Nhân Dân tỉnh Ninh Thuận ký Quyết định Chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Điện mặt trời Hồ Núi Một 1 với Công suất 50MWp tại Xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận. Tổng diện tích Dự án khoảng 60ha. Công ty đang trong giai đoạn đầu tư thực hiện Dự án đầu tư Hồ Núi Một 1 này.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	394.547.272	-	394.547.272	-
Cộng	394.547.272	-	394.547.272	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê nhà		316.821.750
Chi phí bảo hiểm	129.730.956	57.624.500
Cộng	<u>129.730.956</u>	<u>374.446.250</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cươ, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	1.723.439.906.939	1.241.305.904.839	23.224.557.135	391.739.450	92.345.706.994	3.080.707.815.357
Số cuối kỳ	1.723.439.906.939	1.241.305.904.839	23.224.557.135	391.739.450	92.345.706.994	3.080.707.815.357
Trong đó:						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	377.293.905	2.928.116.408	310.375.814	-	3.615.786.127
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	175.585.135.537	88.494.104.931	7.517.316.701	328.837.935	16.815.942.686	288.741.337.790
Khấu hao trong kỳ	37.676.952.560	34.427.125.155	1.546.711.623	12.204.545	2.813.074.820	76.476.068.703
Số cuối kỳ	213.262.088.097	122.921.230.086	9.064.028.324	341.042.480	19.629.017.506	365.217.406.493
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.547.854.771.402	1.152.811.799.908	15.707.240.434	62.901.515	75.529.764.308	2.791.966.477.567
Số cuối kỳ	1.510.177.818.842	1.118.384.674.753	14.160.528.811	50.696.970	72.716.689.488	2.715.490.408.864

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 3.057.091.518.772 VND và 2.701.279.183.083 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của tại ngân hàng thương mại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La; Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn; Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh ngân hàng phát triển Yên Bái; Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái.

9. Tài sản cố định vô hình

Là giá trị Quyền sử dụng đất thuộc tờ bản đồ số 105/2009/BĐĐC tại địa chỉ thôn Nậm Cươ, xã Nậm Búng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được cấp ngày 18 tháng 5 năm 2009. Giá trị quyền sử dụng đất này đang được sử dụng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng Ngân hàng TMCP đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mỏ sắt	904.001.900	904.001.900
Nhà máy điện mặt trời hồ Bầu Ngứ	12.194.221.959	-
Nhà máy điện mặt trời hồ Núi Một 1	615.540.468.140	1.429.530.545
Thủy điện Nậm Búng	50.000.000	50.000.000
Thủy điện Nậm Cang 1A	687.336.442	687.336.442
Thủy điện Nậm Tăng 3	500.909.091	500.909.091
Khu ĐT DV Sinh thái phía Nam Sông Dinh	454.545.455	454.545.455
Thủy điện Pá Hu (*)	919.207.949.324	847.166.067.399
Cộng	1.549.539.432.311	851.192.390.832

(*) Toàn bộ giá trị Công trình Thủy điện Pá Hu được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Sơn La và CN Lạng Sơn.

11. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Là khoản Đầu tư vào Công ty Cổ phần Phong điện Phương Mai theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh 4100440107 thay đổi lần 07 ngày 16 tháng 04 năm 2020.

	Kỳ này
Số đầu năm	176.967.889.892
Thu hồi lại vốn góp (*)	(21.467.889.892)
Chuyển nhượng cổ phần (*)	(40.000.000.000)
Số cuối kỳ	115.500.000.000

(*) Theo Quyết định Đại hội đồng cổ đông số 04/QĐ-HĐCĐ ngày 07 tháng 4 năm 2020. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phong điện Phương Mai sẽ giảm từ 400 tỷ đồng xuống 330 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành nắm giữ 11.550.000 cổ phần tương ứng 115.500.000.000 (VND). Chuyển nhượng cổ phần cho Công ty cổ phần Đầu tư công nghiệp xây dựng Hà Nội. Số lượng cổ phần được chuyển nhượng là 4.000.000 cổ phần với Tổng giá trị chuyển nhượng là 40.000.000.000 đồng.

12. Phải trả người bán ngắn hạn**a) Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	3.749.057.538	6.462.260.472
Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành	1.511.797.554	785.624.636
Công ty TNHH Đầu tư Xây lắp Trường Thành	2.237.259.984	5.676.635.836
Phải trả các nhà cung cấp khác	57.933.013.408	49.356.986.592
GE Energy Power Conversion UK Ltd	30.328.356.264	31.483.172.996
Công ty TNHH GE Việt Nam	6.915.505.800	228.040.000
Công ty CP Đầu tư XD Phát triển Trường Thành	9.224.819.157	8.018.536.551
Công ty TNHH Tư vấn Thí nghiệm điện Miền Bắc	-	2.690.445.340
Công ty Cổ phần Vận tải Quốc tế Cường Thịnh	3.827.757.016	-
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng nguồn điện	-	1.119.994.902
Các nhà cung cấp khác	7.636.575.171	5.816.796.803
Cộng	61.682.070.946	55.819.247.064

b) Phải trả người bán dài hạn: thời hạn trả là 31/12/2021.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
GE Grid solutions, LLC	349.019.359.914	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2020 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Trường Thành được hưởng ưu đãi thuế với các nội dung cụ thể như sau:

- + Dự án Bàu Ngự và Dự án Ngòi Hút 2A được miễn Thuế TNDN
- + Dự án Ngòi Hút 2 áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% trong 15 năm. Miễn thuế 4 năm từ năm 2015 và được giảm 50% thuế TNDN trong 4 năm tiếp theo.
- + Hoạt động khác chịu thuế suất 20%

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	25.182.447.166	5.567.705.950
Chi phí phải trả công trình xây dựng	2.000.000.000	34.028.368.330
Cộng	27.182.447.166	39.596.074.280

15. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn	24.368.720	21.034.000
Bảo hiểm xã hội	39.763.680	-
Bảo hiểm y tế	7.017.120	-
Bảo hiểm thất nghiệp	3.118.720	-
Phân chia lợi nhuận Hợp tác kinh doanh	17.602.661.072	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	30.531.918	78.120.830
Cộng	17.707.461.230	99.154.830

b) Phải trả dài hạn khác

Là khoản phải trả Hợp tác kinh doanh Dự án Thủy điện Ngòi hút 2 và Dự án Thủy điện Ngòi hút 2A

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	4.500.000.000	
Ông Nguyễn Duy Viễn (*)	4.500.000.000	
<i>Phải trả Hợp tác kinh doanh</i>	117.807.948.000	-
Ông Cao Đăng Kiêu (**)	97.141.760.000	-
Ông Trâu Kiến Hoa (***)	5.555.388.000	-
Ông Daniel Triệu (****)	11.110.800.000	-
Ông Tô Thanh Hà (*****)	4.000.000.000	-
Cộng	122.307.948.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

(*) Là khoản phải trả Ông Nguyễn Duy Viễn theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư. Cụ thể

+ Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 05/2020/TTA-HTĐTNH2A ngày 04/03/2020. Theo đó Nguyễn Duy Viễn góp 4.500.000.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A. Ông Nguyễn Duy Viễn sẽ được hưởng 5,35 % lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A.

(**) Là khoản phải trả Ông Cao Đăng Kiều theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư. Cụ thể

+ Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 07/2020/TTA-HTĐTNH2 ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Cao Đăng Kiều góp 77.386.200.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2. Ông Cao Đăng Kiều sẽ được hưởng 20,44% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2

+ Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 06/2020/TTA-HTĐTNH2A ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Cao Đăng Kiều góp 19.755.560.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A. Ông Cao Đăng Kiều sẽ được hưởng 23,49% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A.

(***) Là khoản phải trả Trâu Kiến Hoa theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư. Cụ thể

+ Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 01/2020/TTA-HTĐTNH2 ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Trâu Kiến Hoa góp 4.890.800.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2. Ông Trâu Kiến Hoa sẽ được hưởng 1,11% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2

+ Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 02/2020/TTA-HTĐTNH2A ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Trâu Kiến Hoa góp 664.588.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A. Ông Trâu Kiến Hoa sẽ được hưởng 0,79% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A.

(****) Là khoản phải trả Daniel Triệu theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư. Cụ thể

+ Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 04/2020/TTA-HTĐTNH2 ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Daniel Triệu góp 9.781.600.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2. Ông Daniel Triệu sẽ được hưởng 2,59% lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2

+ Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 03/2020/TTA-HTĐTNH2A ngày 04/03/2020. Theo đó Ông Daniel Triệu góp 1.329.200.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A. Ông Daniel Triệu sẽ được hưởng 1,58 % lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2A.

(*****) Là khoản phải trả Ông Tô Thanh Hà theo Hợp đồng Hợp tác đầu tư. Cụ thể

+ Hợp đồng Hợp tác đầu tư số 08/2020/TTA-HTĐTNH2 ngày 02/04/2020. Theo đó Ông Tô Thanh Hà góp 4.000.000.000 đồng vào Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2. Ông đó Ông Tô Thanh Hà sẽ được hưởng 0,91 % lợi nhuận sau thuế của Dự án Nhà máy Thủy điện Ngòi Hút 2.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**16. Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn thành viên Ban lãnh đạo</i>	<i>89.208.454.715</i>	<i>89.208.454.715</i>	<i>159.680.348.215</i>	<i>159.680.348.215</i>
Vay ngắn hạn thành viên Ban lãnh đạo	89.208.454.715	89.208.454.715	159.680.348.215	159.680.348.215
<i>Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả</i>	<i>157.485.000.001</i>	<i>157.485.000.001</i>	<i>173.540.000.000</i>	<i>173.540.000.000</i>
Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn- Dự án Ngòi hút 2 (1)	15.075.000.002	15.075.000.002	14.300.000.000	14.300.000.000
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh ngân hàng phát triển Yên Bái (3)	88.910.000.000	88.910.000.000	93.240.000.000	93.240.000.000
Vay hợp vốn Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái và Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Chương Dương - hợp đồng tín dụng số 01/2014/2548422 ngày 7/5/2014 (4)	29.250.000.000	29.250.000.000	37.000.000.000	37.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái- hợp đồng tín dụng số 01/2015/2548422/HĐTD ngày 19/6/2015 (5)	4.250.000.000	4.250.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2018/2548422/HĐTD ngày 6/8/2018 (6)	19.999.999.999	19.999.999.999	24.000.000.000	24.000.000.000
Cộng	246.693.454.716	246.693.454.716	333.220.348.215	333.220.348.215



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cúm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau :

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Giảm khác (*)	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn thành viên Ban lãnh đạo	159.680.348.215	149.956.054.500	-	(120.427.948.000)	(100.000.000.000)	89.208.454.715
Vay ngắn hạn thành viên Ban lãnh đạo	159.680.348.215	149.956.054.500	-	(120.427.948.000)	(100.000.000.000)	89.208.454.715
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	173.540.000.000	-	93.805.000.000	(109.859.999.999)	-	157.485.000.001
Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn- Dự án Ngòi hút 2A (1)	14.300.000.000	-	7.745.000.000	(6.969.999.998)	-	15.075.000.002
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh ngân hàng phát triển Yên Bái (3)	93.240.000.000	-	51.060.000.000	(55.390.000.000)	-	88.910.000.000
Vay hợp vốn Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái và Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Chương Dương - hợp đồng tín dụng số 01/2014/2548422 ngày 7/5/2014 (4)	37.000.000.000	-	20.000.000.000	(27.750.000.000)	-	29.250.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái- hợp đồng tín dụng số 01/2015/2548422/HĐTD ngày 19/6/2015 (5)	5.000.000.000	-	3.000.000.000	(3.750.000.000)	-	4.250.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2018/2548422/HĐTD ngày 6/8/2018 (6)	24.000.000.000	-	12.000.000.000	(16.000.000.001)	-	19.999.999.999
Cộng	333.220.348.215	149.956.054.500	93.805.000.000	(230.287.947.999)	(100.000.000.000)	246.693.454.716

(*) Là khoản kết chuyển từ Vay ngắn hạn sang vay dài hạn của Ông Trần Huy Đức.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cước, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay dài hạn thành viên Ban lãnh đạo</i>	<i>100.000.000.000</i>	<i>100.000.000.000</i>	-	-
Vay dài hạn thành viên Ban lãnh đạo	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	<i>2.084.544.940.672</i>	<i>2.084.544.940.672</i>	<i>1.938.699.966.088</i>	<i>1.938.699.966.088</i>
Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn - Dự án Ngòi hút 2A (1)	137.466.951.020	137.466.951.020	145.211.951.020	145.211.951.020
Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn - Dự án Pá Hu (2)	604.925.992.454	604.925.992.454	578.871.317.049	578.871.317.049
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh ngân hàng phát triển Yên Bái (3)	201.860.966.818	201.860.966.818	252.920.966.818	252.920.966.818
Vay hợp vốn Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam - CN Yên Bái và Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam - CN Chương Dương - hợp đồng tín dụng số 01/2014/2548422 ngày 7/5/2014 (4)	33.165.634.000	33.165.634.000	53.165.634.000	53.165.634.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái- hợp đồng tín dụng số 01/2015/2548422/HĐTD ngày 19/6/2015 (5)	58.500.000.000	58.500.000.000	61.500.000.000	61.500.000.000
Ngân hàng đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2018/2548422/HĐTD ngày 6/8/2018 (6)	861.853.908.423	861.853.908.423	847.030.097.201	847.030.097.201
Ngân hàng đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2020/2548422/HĐTD ngày 17/6/2020 (7)	186.771.487.957	186.771.487.957	-	-
Cộng	2.184.544.940.672	2.184.544.940.672	1.938.699.966.088	1.938.699.966.088

(1) Là khoản Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn theo hợp đồng tín dụng số 99-2015/HĐTD/SL-LA/NH2A ngày 15/6/2015, hạn mức cho vay là 134.000.000.000 VND, mục đích đầu tư dự án thủy điện Ngòi Hút 2A, thời gian vay là 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, tài sản đảm bảo là quyền đối với vốn góp của các cổ đông của công ty căn cứ hợp đồng thế chấp số 01-2015 ngày 20/6/2015, giá trị tạm tính của tài sản đảm bảo này là 409.735.000.000 VND, hợp đồng bổ sung thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 02-2016/HĐSDBS ngày 01/9/2016, giá trị tài sản hình thành tạm tính là 256.165.000.000 VND. Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01-2016/HĐTD/SL-LA/NH2A ngày 01/9/2016, thay đổi hạn mức vay là 179.000.000.000 VND và phụ lục Kế hoạch trả nợ theo đó khoản vay được tắt toán ngày 30/9/2027.

(2) Là khoản Vay hợp vốn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn theo hợp đồng tín dụng số 02-2017/HĐTD/SL-LA ngày 10/10/2017, hạn mức vay 607.000.000.000 VND, mục đích đầu tư dự án thủy điện Pá Hu, thời gian vay là 14 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, tài sản đảm bảo là toàn bộ giá trị công trình dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

(3) Là khoản vay Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh ngân hàng phát triển Yên Bái theo hợp đồng tín dụng đầu tư số 01/2011/HDDTDDDT-NHPT ngày 29/1/2011, mục đích đầu tư xây dựng và mua sắm thiết bị cho dự án "Đầu tư xây dựng thủy điện Ngòi Hút 2", tổng số tiền vay 622.868.000.000 VND, hợp đồng sửa đổi hợp đồng tín dụng đầu tư số 02/2015/HDSDBS-NHPT ngày 06/08/2015, sửa đổi số tiền vay tối đa là 703.868.000.000 VND, thời hạn vay 144 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn trả nợ gốc là 114 tháng, lãi suất trong hạn 9,6%, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành sau đầu tư căn cứ hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2011/HDTCTS-NHPT ngày 29/01/2011, hợp đồng sửa đổi bổ sung thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2016/HDTCTS-NHPT ngày 18/7/2016, giá trị tài sản thế chấp xác định là 1.385.102.645.120 VND. Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02/2016/HDSDBS-NHPT ngày 28/4/2016 sửa đổi bổ sung về mức trả nợ hàng năm theo đó khoản vay sẽ được tất toán vào Quý 2 năm 2023.

(4) Là khoản Vay hợp vốn Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái và Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Chương Dương theo hợp đồng tín dụng số 01/2014/2548422/HĐTD ngày 7/5/2014, hạn mức vay 172.696.000.000 VND, mục đích đầu tư dự án thủy điện Ngòi Hút 2, tổng mức đầu tư phê duyệt là 1.239.080.000.000 VND, thời gian vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành sau dự án. Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/2015/2548422/HĐTD ngày 30 tháng 6 năm 2015 sửa đổi bổ sung kế hoạch trả phí, lãi và nợ gốc theo đó khoản vay này sẽ được tất toán vào ngày 31/5/2022.

(5) Là khoản vay Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam - CN Yên Bái theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/2548422/HĐTD ngày 19/6/2015 nhằm mục đích bổ sung đầu tư dự án thủy điện Ngòi Hút 2, số tiền vay 77.000.000.000 VND, thời hạn vay 120 tháng, tài sản thế chấp là TSCĐ hình thành sau dự án. Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/2016/2548422/HĐTD tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung kế hoạch trả nợ gốc và lãi, theo đó khoản vay này sẽ được tất toán vào ngày 19/6/2023.

(6) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/2548422/HĐTD ngày 6/8/2018 nhằm mục đích đầu tư Dự án nhà máy điện mặt trời hồ Bàu Ngự do bên vay làm chủ đầu tư, tổng vốn đầu tư được phê duyệt là 1.426.050.000.000 VND, tổng số tiền gốc tối đa 914.000.000.000 VND nhưng không vượt quá 70% tổng mức đầu tư dự án, thời hạn vay là 132 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành sau dự án căn cứ hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2018/2548422 ngày 06/8/2018 và hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản số 03/2018/2548422/HĐTC ngày 06/8/2018

(7) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái theo hợp đồng tín dụng số 01/2020/2548422/HĐTD ngày 17/6/2020 nhằm mục đích đầu tư Trang trại điện mặt trời Hồ Núi Một 1 do bên vay làm chủ đầu tư, tổng vốn đầu tư được phê duyệt là 1.036.000.000.000 VND, tổng số tiền gốc tối đa 648.000.000.000 VND nhưng không vượt quá 69% tổng mức đầu tư dự án, thời hạn vay là 156 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất (trường hợp được pháp luật cho phép) và các bất động sản khác của Dự Án, Các Công Trình Dự Án; máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, các động sản khác, các Tài Khoản, các quyền tài sản (kể cả quyền theo các Chấp Thuận) và các quyền theo các hợp đồng (kể cả quyền theo các Văn Kiện Dự Án: quyền khai thác tài nguyên, quyền thụ hưởng từ Hợp đồng bảo hiểm, Hợp đồng bán điện) (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) của Bên Vay liên quan đến Dự Án theo Hợp Đồng Thế Chấp Bất Động Sản; Hợp đồng Thế Chấp Động Sản Và Quyền Tài Sản của Dự Án. Bên vay thế chấp tài sản đảm bảo khác ngoài tài sản hình thành từ vốn vay là 50% giá trị dự án nhà máy thủy điện Ngòi Hút 2 của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển Trường Thành được Ngân hàng VDB chi nhánh Yên Bái và BIDV tài trợ vốn (trong đó: Bảo đảm cho toàn bộ dư nợ của dự án thủy điện Ngòi Hút 2 tại BIDV (BIDV Chi nhánh Chương Dương và BIDV Chi nhánh Yên Bái) bảo đảm cho dự án điện mặt trời hồ Bàu Ngự khoảng 115 tỷ; bảo đảm cho dự án điện mặt trời Hồ Núi Một 1 tối thiểu 210 tỷ đồng). Bảo đảm bằng các quyền phát sinh từ Dự án: quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất, quyền thụ hưởng bảo hiểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cúm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Tăng khác (*)	Kết chuyển sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Số cuối kỳ
<i>Vay dài hạn thành viên Ban lãnh đạo</i>	-	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000
Vay dài hạn thành viên Ban lãnh đạo	-	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	1.938.699.966.088	239.649.974.584	-	(93.805.000.000)	2.084.544.940.672
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La (1)	145.211.951.020	-	-	(7.745.000.000)	137.466.951.020
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Sơn La và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tỉnh Lạng Sơn (2)	578.871.317.049	26.054.675.405	-	-	604.925.992.454
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh ngân hàng phát triển Yên Bái (3)	252.920.966.818	-	-	(51.060.000.000)	201.860.966.818
Vay hợp vốn Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái và Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Chương Dương - hợp đồng tín dụng số 01/2014/2548422 ngày 7/5/2014 (4)	53.165.634.000	-	-	(20.000.000.000)	33.165.634.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái- hợp đồng tín dụng số 01/2015/2548422/HĐTD ngày 19/6/2015 (5)	61.500.000.000	-	-	(3.000.000.000)	58.500.000.000
Ngân hàng đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2018/2548422/HĐTD ngày 6/8/2018 (6)	847.030.097.201	26.823.811.222	-	(12.000.000.000)	861.853.908.423
Ngân hàng đầu tư & phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái -hợp đồng tín dụng số 01/2020/2548422/HĐTD ngày 17/6/2020 (7)	-	186.771.487.957	-	-	186.771.487.957
Cộng	1.938.699.966.088	239.649.974.584	100.000.000.000	(93.805.000.000)	2.184.544.940.672

(*) Là khoản kết chuyển từ Vay ngắn hạn sang vay dài hạn của Ông Trần Huy Đức.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**17. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	1.350.000.000.000	197.075.485.857	1.547.075.485.857
Lợi nhuận trong kỳ nay	-	103.843.542.701	103.843.542.701
Phân chia lợi nhuận Hợp tác kinh doanh	-	(17.602.661.072)	(17.602.661.072)
Số dư cuối kỳ này	1.350.000.000.000	283.316.367.486	1.633.316.367.486

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

	Số Cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
Ông Trần Huy Đức	314.000.000.000	23,26%	676.000.000.000	50,07%
Ông Trần Huy Thiệu	88.000.000.000	6,52%	88.000.000.000	6,52%
Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành	319.000.000.000	23,63%	319.000.000.000	23,63%
Bà Nguyễn Thị Ngọc	157.000.000.000	11,63%	157.000.000.000	11,63%
Ông Cao Đăng Mùi	-	-	77.000.000.000	5,70%
Ông Nguyễn Duy Viễn	-	-	33.000.000.000	2,44%
Các cổ đông khác	472.000.000.000	34,96%	-	-
Cộng	1.350.000.000.000	100,00%	1.350.000.000.000	100,00%

c) Cổ phiếu

	Số Cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	135.000.000	135.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	135.000.000	135.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	135.000.000	135.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	135.000.000	135.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	135.000.000	135.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**a) Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	100,71	100,71

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý	2.019.870.488	2.019.870.488

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện	315.254.306.699	181.252.602.096
Cộng	315.254.306.699	181.252.602.096

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn điện	82.309.053.734	53.590.965.919
Cộng	82.309.053.734	53.590.965.919

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	12.761.073	49.739.607
Cộng	12.761.073	49.739.607

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	113.302.748.819	55.639.880.678
Cộng	113.302.748.819	55.639.880.678

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.705.136.543	1.450.451.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	893.617.455	65.674.000
Thuế, phí và lệ phí	69.641.500	53.918.182
Chi phí dịch vụ mua ngoài	215.772.471	149.965.036
Các chi phí khác	6.425.714.402	2.616.921.270
Cộng	11.309.882.371	4.336.929.488

6. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Tiền bảo hiểm bồi thường	45.107.913	-
Thu nhập khác	-	5.000
Cộng	45.107.913	5.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**7. Chi phí khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản phạt vi phạm thuế	284.432.647	63.423.623
Chi phí khấu hao không được trừ	814.263.750	141.745.687
Cộng	1.098.696.397	205.169.310

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này
Chi phí nhân công	6.204.398.850
	37.200.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	76.476.068.703
Chi phí dịch vụ mua ngoài	541.215.337
Chi phí khác	11.174.316.965
Cộng	94.433.199.855

9. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	107.291.794.364
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.092.049.169
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.092.049.169
Thu nhập chịu thuế	108.383.843.533
Thu nhập chịu thuế của Hoạt động chịu thuế suất 10%	108.383.843.533
Thu nhập chịu thuế của Hoạt động chịu thuế suất 20%	
Thu nhập được miễn thuế	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-
Thu nhập tính thuế	108.383.843.533
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	10.838.384.353
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(7.390.132.690)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.448.251.663

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	103.843.542.701	67.529.401.308
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(17.602.661.072)	-
- Chi trả lợi nhuận Hợp tác kinh doanh	(17.602.661.072)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	86.240.881.629	67.529.401.308
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	135.000.000	96.700.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	638,82	698,34

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	135.000.000	96.700.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành bằng tiền trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	135.000.000	96.700.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập thành viên Ban Lãnh đạo

Kỳ này

Ban Lãnh đạo

Tiền lương, thưởng, phụ cấp

770.000.000

Các nghiệp vụ phát sinh chính trong kỳ giữa Công ty và các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Nội dung

Kỳ này

Phải trả tiền vay

149.956.054.500

Ông Trần Huy Đức

149.956.054.500

Hoàn trả tiền vay

120.427.948.000

Ông Trần Huy Đức

120.427.948.000

Hợp tác kinh doanh- Ông Nguyễn Duy Viễn

Phải trả tiền Hợp tác kinh doanh

4.500.000.000

Phải thu Hợp tác kinh doanh

244.276.699

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.5; V.16.

B. Giao dịch với bên liên quan khác:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành	+ Giám đốc công ty TNHH Xây dựng Trường Thành là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành + Giám đốc công ty TNHH Xây dựng Trường Thành là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành + Giám đốc công ty TNHH Xây dựng Trường Thành là em trai của chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành + Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành là Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành + Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành
Công ty TNHH đầu tư xây lắp Trường Thành	+ Giám đốc công ty TNHH Đầu tư xây lắp Trường Thành là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành + Giám đốc công ty TNHH Đầu tư xây lắp Trường Thành là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành + Giám đốc công ty TNHH Đầu tư xây lắp Trường Thành là em trai của chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng khai thác khoáng sản Ninh Thuận	+ Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng khai thác khoáng sản Ninh Thuận là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành
Công ty Cổ phần Phong điện Phương Mai	+ Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Phong điện Phương Mai + Công ty Cổ phần Phong điện Phương Mai là công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành

Các nghiệp vụ phát sinh chính trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này
Công ty TNHH Xây dựng Trường Thành	
Phải thu tiền chi hộ	1.932.719.103
Phải trả khối lượng công việc hoàn thành	40.981.752.093
Thanh toán khối lượng hoàn thành và Tạm ứng thực hiện theo Hợp đồng xây dựng	44.031.189.437
Công ty TNHH đầu tư xây lắp Trường Thành	
Thanh toán khối lượng hoàn thành và Tạm ứng thực hiện theo Hợp đồng xây dựng	7.950.000.000
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V4; V5; V.12.	

2. Chi phí lãi vay vốn hóa

Trong kỳ công ty phát sinh các chi phí lãi vay đã vốn hóa như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Vốn hóa chi phí lãi vay cho các khoản vay riêng biệt	43.676.785.845	79.034.033.734

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Khu vực địa lý

Công ty có các khu vực kinh doanh chính sau:

- Khu vực Yên Bái
- Khu vực Ninh Thuận

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau:

- Kinh doanh điện, chuyển nhượng đường dây điện
- Lĩnh vực khác: Bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí khách hàng của Doanh nghiệp như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cước, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Khu vực Yên Bái	Khu vực Ninh Thuận	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	172.875.860.859	142.378.445.840	-	315.254.306.699
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	172.875.860.859	142.378.445.840	-	315.254.306.699
Chi phí bộ phận	46.059.495.467	36.249.558.267	-	82.309.053.734
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	126.816.365.392	106.128.887.573	-	232.945.252.965
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(11.309.882.371)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				12.761.073
Doanh thu hoạt động tài chính				(113.302.748.819)
Chi phí tài chính				45.107.913
Thu nhập khác				(1.098.696.397)
Chi phí khác				(3.448.251.663)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				103.843.542.701
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	72.041.881.925	626.305.159.554	-	698.347.041.479
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	43.752.506.166	32.832.341.331	-	76.584.847.497

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

Số Cuối kỳ	Khu vực Yên Bái	Khu vực Ninh Thuận	Các khoản loại trừ	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	4.590.954.219.912	2.044.365.790.244	(1.972.920.437.992)	4.662.399.572.164
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				
Tổng tài sản	4.590.954.219.912	2.044.365.790.244	(1.972.920.437.992)	4.662.399.572.164
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.996.339.912.179	2.005.663.730.491	(1.972.920.437.992)	3.029.083.204.678
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
Tổng nợ phải trả	2.996.339.912.179	2.005.663.730.491	(1.972.920.437.992)	3.029.083.204.678

Lĩnh vực kinh doanh

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lĩnh vực kinh doanh điện	315.254.306.699	181.252.602.096
Lĩnh vực khác	-	-
Cộng	315.254.306.699	181.252.602.096

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền. (trình bày chính sách quản lý rủi ro thanh khoản)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	246.693.454.716	245.844.974.584	1.938.699.966.088	2.431.238.395.388
Phải trả người bán	410.701.430.860			410.701.430.860
Các khoản phải trả khác	46.357.757.673			46.357.757.673
Cộng	703.752.643.249	245.844.974.584	1.938.699.966.088	2.888.297.583.921
Số đầu năm				
Vay và nợ	333.220.348.215	1.585.308.783.728	353.391.182.360	2.271.920.314.303
Phải trả người bán	55.819.247.064			55.819.247.064
Các khoản phải trả khác	40.580.167.187			40.580.167.187
Cộng	429.619.762.466	1.585.308.783.728	353.391.182.360	2.368.319.728.554

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.055.058.740	7.309.911.204	7.055.058.740	7.309.911.204
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.790.000.000	1.790.000.000	1.790.000.000	1.790.000.000
Phải thu khách hàng	64.754.083.392	16.475.012.238	64.754.083.392	16.475.012.238
Các khoản phải thu khác	28.933.373.618	29.248.986.653	28.933.373.618	29.248.986.653
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	115.500.000.000	176.967.889.892	115.500.000.000	176.967.889.892
Cộng	218.032.515.750	231.791.799.987	218.032.515.750	231.791.799.987
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	2.431.238.395.388	2.271.920.314.303	2.431.238.395.388	2.271.920.314.303
Phải trả người bán	410.701.430.860	55.819.247.064	410.701.430.860	55.819.247.064
Các khoản phải trả khác	46.357.757.673	40.580.167.187	46.357.757.673	40.580.167.187
Cộng	2.888.297.583.921	2.368.319.728.554	2.888.297.583.921	2.368.319.728.554

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Thôn Nậm Cườm, Xã Nậm Búng, Huyện Văn Chấn, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được lấy theo Báo cáo giữa niên độ 9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được lập bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành.

Lập ngày 18 tháng 10 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Khánh Huyền

Nguyễn Dũng Hoàng

Nguyễn Duy Hưng